

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua Đề án xây dựng nông thôn mới xã  
Long Hưng giai đoạn 2016-2020 và danh mục đầu tư năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG  
KHOÁ I, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 3099/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt danh sách 09 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 và phân giao nhiệm vụ cho thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện tại Tờ trình số 202/TTr-UBND ngày 12/12/2017 về việc thông qua Đề án và danh mục đầu tư xây dựng nông thôn mới xã Long Hưng năm 2018; Báo cáo thẩm tra số 120/BC-HĐND-KTXH ngày 20/12/2017 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân huyện nhất trí thông qua Đề án xây dựng nông thôn mới xã Long Hưng giai đoạn 2016-2020 và danh mục đầu tư năm 2018 như sau:

**Tổng mức đầu tư:** 40.969.469.042 đồng (Bốn mươi tỷ, chín trăm sáu mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi chín ngàn, không trăm bốn mươi hai đồng).

**Trong đó:**

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ xi măng: 1.414.000.000 đồng;
- Vốn Đầu tư công đã bố trí năm 2018: 13.630.000.000 đồng;
- Ngân sách huyện: 19.956.499.042 đồng;
- Nhân dân đóng góp: 5.968.970.000 đồng.

(kèm theo Đề án và danh mục đầu tư xã Long Hưng năm 2018)



## **Điều 2. Nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị liên quan:**

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới xã Long Hưng giai đoạn năm 2016-2020. Định kỳ hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân huyện kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Phú Riềng khóa I, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- TT.HĐND – UBND tỉnh (b/c);
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- UBND, UBNDTQVN huyện;
- Các Ban HĐND; KBNN, Chi cục thuế;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- TT.HĐND - UBND các xã;
- Lưu: VT.



**Trần Văn Lân**



## BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG GTNT XÃ LONG HƯNG DỰ KIẾN XÂY DỰNG NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 135 /NQ-HĐND ngày 22 / 12 /2017 của HĐND huyện)

S T T	Tên danh mục công trình	Ký hiệu	Tổng mức đầu tư theo dự toán (Triệu đồng)	Thông số kỹ thuật			Nhu cầu xi măng (kg)	Trong đó			Kinh phí vận chuyển xi măng (Triệu đồng)	Cách thức thực hiện	Ghi chú
				Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều dày (cm)		Kinh phí xi măng (Triệu đồng)	Kinh phí cát, đá các loại và kinh phí nhà nước (Triệu đồng)	Kinh phí nhân công, máy thi công (đơn góp) (Triệu đồng)			
<b>CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI</b>			<b>20.897</b>	<b>28.443</b>				<b>1.414</b>	<b>13.389</b>	<b>5.728</b>	<b>367</b>		
<b>ĐƯỜNG LIÊN XÃ</b>			<b>1.470</b>	<b>1.352</b>					<b>1.470</b>				
1	Láng nhựa đường GTNT từ đường nhựa xã Long hưng đi thôn Bình Minh xã Bình Sơn	LT X 1	1.470	1.352	3,5	16,5			1.470			UBND xã Chủ đầu tư	
<b>I. ĐƯỜNG THÔN, NGÕ XÓM</b>													
<b>ĐƯỜNG LIÊN THÔN LÁNG NHỰA</b>			<b>7.790</b>	<b>6.472</b>					<b>5.585</b>	<b>2.205</b>	<b>0</b>		
1	Láng nhựa đường GTNT khu vực TTHC xã Long Hưng	TTX	440	301	4,5	16,5			440			UBND xã Chủ đầu tư	
2	Láng nhựa đường GTNT Thôn 2 từ tiếp giáp đường nhựa hiện hữu đến ông Bách	Thôn 2 LT 2.1	1.200	1.000	3,5	16,5			840	360		UBND xã Chủ đầu tư	
3	Láng nhựa đường GTNT thôn 2 đoạn từ đường nhựa xóm đến nhà bà Thiết	Thôn 2 LT 2.2	230	195	3,5	16,5			161	69		UBND xã Chủ đầu tư	
4	Láng nhựa đường GTNT Thôn 3 từ tiếp giáp đường nhựa đến ông Tuyết	Thôn 3 LT 3.1	1.180	1.000	3,5	16,5			826	354		UBND xã Chủ đầu tư	Nội 02 m công tròn D200, làm lại thượng lưu, hạ lưu cống và làm mới cống 80cm
5	Láng nhựa đường GTNT Thôn 3 từ tiếp giáp đường nhựa HT thôn đến ông Phôn	Thôn 3 LT 3.2	1.150	1.000	3,5	16,5			805	345		UBND xã Chủ đầu tư	Gia cố đá học 02 thượng lưu và 02 hạ lưu cống
6	Láng nhựa đường GTNT Thôn 10 từ tiếp giáp đường nhựa đi Long Bình Ông Bát đến Ông Sang Quyền	Thôn 10 LT 10.1	1.270	1.000	3,5	16,5			889	381		UBND xã Chủ đầu tư	Làm mới 01 công tròn D150, L=6m
7	Láng nhựa đường GTNT Thôn 6	Thôn 6 LT 6.1	1.150	1.000	3,5	16,5			805	345		UBND xã Chủ đầu tư	Làm mới 01 công tròn D100, L=6m
8	Láng nhựa đường GTNT Thôn 8 từ tiếp giáp đường nhựa thôn đến ông Dũng	Thôn 8 LT 8.1	1.170	976	3,5	16,5			819	351		UBND xã Chủ đầu tư	Làm mới 01 công tròn D150, L=6m
<b>ĐƯỜNG THÔN NGÕ XÓM BÊ TÔNG CẤP C</b>			<b>7.247</b>	<b>7.055</b>			<b>853.450</b>	<b>1.414</b>	<b>3.261</b>	<b>2.206</b>	<b>367</b>		
1	Bê tông đường GT thôn 1 đoạn từ nhà Ông Ngoãn đến đường DT 741	Thôn 1 BT 1.1	376	370	3	14	44.759	73	169	115	19	Nhân dân tổ chức thực hiện	
2	Bê tông đường GT thôn 2 đoạn từ đường nhựa xóm 4 đến nhà ông Lanh	Thôn 2 BT 2.1	203	200			24.194	39	91	62	10	Nhân dân tổ chức thực hiện	Thêm tuyến này
3	Bê tông đường GT thôn 2 đoạn từ nhà ông Đăng đến nhà ông Lộc	Thôn 2 BT 2.2	122	120			14.517	24	55	37	6	Nhân dân tổ chức thực hiện	Thêm tuyến này



S T T	Tên danh mục công trình	Ký hiệu	Tổng mức đầu tư theo dự toán (Triệu đồng)	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều dày (cm)	Nhu cầu xi măng (kg)	Kinh phí xi măng (Triệu đồng)	Kinh phí cát, đá các loại và kinh phí nhà nước (Triệu đồng)	Kinh phí nhân công, máy thi công (dân góp) (Triệu đồng)	Kinh phí vận chuyển xi măng (Triệu đồng)	Cách thức thực hiện	Ghi chú
<b>CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI</b>			<b>20.897</b>	<b>28.443</b>				<b>1.414</b>	<b>13.389</b>	<b>5.728</b>	<b>367</b>		
4	Bê tông đường GT thôn 3 đoạn từ đường nhựa thôn đến nhà Ô Pha	Thôn 3 BT 3.1	305	300	3	14	36.291	59	137	94	15	Nhân dân tổ chức thực hiện	
5	Bê tông đường GT thôn 3 đoạn từ đường nhựa thôn đến nhà Ô Hời	Thôn 3 BT 3.2	305	300	3	14	36.291	59	137	94	15	Nhân dân tổ chức thực hiện	
6	Bê tông đường GT thôn 3 đoạn từ đường nhựa thôn đến nhà Ô Liêm	Thôn 3 BT 3.3	508	500	3	14	60.486	98	229	156	26	Nhân dân tổ chức thực hiện	
7	Bê tông đường GT thôn 3 đoạn từ đường nhựa thôn Ô Ban đến đường nhựa xã Ô Ninh	Thôn 3 BT 3.4	610	600	3	14	72.583	118	274	187	31	Nhân dân tổ chức thực hiện	
8	Bê tông đường GT thôn 3 từ nhà ông Mão đến nhà ông Cư	Thôn 3 BT 3.5	407	400	3	14	48.388	78	183	125	21	Nhân dân tổ chức thực hiện	
9	Bê tông đường GT thôn 4 đoạn từ đường nhựa xã Ô Sao đến nhà Ô Lý	Thôn 4 BT 4.1	610	600	3	14	72.583	118	274	187	31	Nhân dân tổ chức thực hiện	
10	Bê tông đường GT thôn 4 đoạn từ đường nhựa xã Ô Hà đến nhà Ô Toàn	Thôn 4 BT 4.2	274	270	3	14	32.662	53	123	84	14	Nhân dân tổ chức thực hiện	
11	Bê tông đường GT thôn 5 đoạn từ đường nhựa xã Ô Sim đến nhà HT thôn	Thôn 5 BT 5.1	274	270	3	14	32.662	53	123	84	14	Nhân dân tổ chức thực hiện	Giảm 80m
12	Bê tông đường GT thôn 8 đoạn từ đường nhựa thôn đến nhà Ô Toàn	Thôn 8 BT 8.1	152	150	3	14	18.146	29	69	47	8	Nhân dân tổ chức thực hiện	
13	Bê tông đường GT Thôn 7 từ tiếp giáp đường nhựa xã đến ông Thành	Thôn 7 BT 7.1	424	417	3	14	50.445	82	191	130	21	Nhân dân tổ chức thực hiện	
14	Bê tông đường GT Thôn 7 từ tiếp giáp đường nhựa xã đến ông Cương	Thôn 7 LT 7.1	918	903	3	14	109.237	177	413	282	46	Vốn NTM và NĐĐG 2018	Làm mới 03 công tròn D100, L=5m (chuyển đường nhựa xuống)
15	Bê tông đường GT thôn 10 đoạn từ đường nhựa xã đến nhà Ô Minh	Thôn 10 BT 10.3	610	600	3	14	72.583	118	274	187	31	Nhân dân tổ chức thực hiện	
16	Bê tông đường GT thôn 10 đoạn từ nhà Ô Tính duyên đến nhà Ô Thuận	Thôn 10 BT 10.4	864	850	3	14	102.825	167	388	265	44	Nhân dân tổ chức thực hiện	
17	Đường BTXM khu vực quy hoạch chợ (dài 250m, trong đó; dài 125m, rộng 3m; và dài 80m, rộng 6m)	Đường chợ	285	205		14	24.799	72	130	69	15	Nhân dân tổ chức thực hiện	
<b>ĐƯỜNG NỘI ĐỒNG CẤP PHỐI SỎI ĐỎ</b>			<b>4.390</b>	<b>13.564</b>					<b>3.073</b>	<b>1.317</b>			
1	Cấp phối sỏi đỏ đường thôn 2 từ ông Tề đến ông Quyết	Thôn 2 ST 2.1	450	1.200	5	15			315	135		UBND xã Chủ đầu tư	Làm mới 01 công tròn D100, L=5m
2	Cấp phối sỏi đỏ đường thôn 2 từ Huệ Luận đến Bình Hoan	Thôn 2 ST 2.2	110	350	4	15			77	33		UBND xã Chủ đầu tư	Giảm 50m đoạn dốc

S T T	Tên danh mục công trình	Ký hiệu	Tổng mức đầu tư theo dự toán (Triệu đồng)	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều dày (cm)	Nhu cầu xi măng (kg)	Kinh phí xi măng (Triệu đồng)	Kinh phí cát, đá các loại và kinh phí nhà nước (Triệu đồng)	Kinh phí nhân công, máy thi công (đân góp) (Triệu đồng)	Kinh phí vận chuyển xi măng (Triệu đồng)	Cách thức thực hiện	Ghi chú
<b>CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI</b>			<b>20.897</b>	<b>28.443</b>				<b>1.414</b>	<b>13.389</b>	<b>5.728</b>	<b>367</b>		
3	Cấp phối sỏi đỏ đường Thôn 2 từ ông Bách và ông cõn	Thôn 2 ST 2.3	220	580	5	15			154	66		UBND xã Chủ đầu tư	Làm mới 01 công tròn D100, L=5m (chuyển từ đường nhựa xuống)
4	Cấp phối sỏi đỏ đường thôn 4 từ tiếp giáp đường nhựa ngã ba đến ông Tám cảnh	Thôn 4 ST 4.1	450	1.138	5	15			315	135		UBND xã Chủ đầu tư	Làm mới 02 công hộp 80x80, L=6m
5	Cấp phối sỏi đỏ đường thôn 5 từ tiếp giáp đường nhựa thôn đến cầu đi Long bình	Thôn 5 ST 5.1	230	760	5	15			161	69		UBND xã Chủ đầu tư	
6	Cấp phối sỏi đỏ đường thôn 7 từ Trường tiểu học đến hết	Thôn 7 ST 7.1	410	1.492	5	15			287	123		UBND xã Chủ đầu tư	
7	Cấp phối sỏi đỏ thôn 7 từ tiếp giáp đường nhựa xã nhà ô Thú đến hết	Thôn 7 ST 7.2	1.260	3.630	5	12			882	378		UBND xã Chủ đầu tư	Làm mới 04 công tròn D100, L=5m
8	Cấp phối sỏi đỏ đường thôn 10 từ đường nhựa thôn nhà Duyên tính đến giáp Long Hà	Thôn 10 ST 10.1	510	1.700	4	15			357	153		UBND xã Chủ đầu tư	Làm mới 01 công hộp 80x80, L=6m (thêm 300 chuyển từ đường BTXM)
9	Cấp phối sỏi đỏ đường thôn 10 từ đường nhựa thôn đến giáp đường nhựa đi Long Bình	Thôn 10 ST 10.2	650	2.414	5	12			455	195		UBND xã Chủ đầu tư	Làm mới 02 công hộp 80x80, L=6m; Xây mương đá học kích thước 1,0m*1,0m dài 130m, đoạn giữa tuyến hư hỏng nặng
10	Cấp phối sỏi đỏ đường thôn 8 từ tiếp giáp đường nhựa thôn đến ông Doanh	Thôn 8 ST 8.2	100	300	4	15			70	30			
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>20.897</b>	<b>28.443</b>				<b>1.414</b>	<b>13.389</b>	<b>5.728</b>	<b>367</b>		



**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THỰC HIỆN XÂY DỰNG TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018 TẠI XÃ LONG HƯNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số ... ngày 22 / 12 /2017 của HĐND huyện)*

Phụ lục 02



ĐVT: đồng

STT	Tên trường	Nội dung thực hiện	Tổng mức đầu tư	Trong đó		
				Vốn đã bố trí Đầu tư công năm 2018	Vốn sự nghiệp năm 2018	Nhu cầu cần bổ sung
1	Trường THCS Long Hưng	XD 06 phòng lầu và một số công trình khác như: Hội trường, phòng hành chính, khu vệ sinh, sân chơi	4.690.000.000	3.850.000.000		840.000.000
2	Trường mẫu giáo Long Hưng	XD 6 phòng lầu, cải tạo 02 phòng trụ sở UBND cũ và một số công trình khác như: Hàng rào, đồ chơi ngoài trời, nhà để xe giáo viên	7.450.000.000	6.780.000.000		670.000.000
3	Trường tiểu học Long Hưng	XD 4 phòng lầu, sân chơi xây dựng và tu sửa một số công trình khác: phòng thư viện, thiết bị, đội, truyền thống, phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, phòng bảo vệ, 02 phòng chức năng, khu vệ sinh, bồn nước	3.670.000.000	3.000.000.000		670.000.000
4	Tiểu học Long Hưng A	Tu sửa 06 phòng từ Mẫu giáo chuyển qua và xây dựng phòng thiết bị, phòng ngoại ngữ, tin học, nhà bảo vệ, nhà xe học sinh	1.582.000.000		762.000.000	820.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>17.392.000.000</b>	<b>13.630.000.000</b>	<b>762.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>

**KHAI TOÁN KINH PHÍ ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH NHÀ VĂN HÓA THÔN CỦA XÃ LONG HƯNG NĂM 2018**

(Kèm theo Nghị quyết số 135 /NQ-HĐND ngày 22 / 12 /2017 của HĐND huyện)

STT	Thôn xóm	Nội dung thực hiện	ĐVT	Tổng cộng (đồng)	Trong đó		Ghi chú
					NS nhà nước (đồng)	Nhân dân đóng góp (đồng)	
1	Trung tâm Văn hóa xã	Mua loa di động phục vụ cho các hoạt động tổ chức ngoài trời tại sân UBND xã, tu sửa và làm bảng khẩu hiệu công chào xã	Lần	15.700.000	15.700.000		
2	Thôn 1	Sơn sửa hội trường nhà văn hóa, mua các trang thiết bị liên quan: âm thanh hội trường, bục để tượng Bác, bục phát biểu, 15 bộ bàn ghế, xây sân khấu trong hội trường, quạt treo tường, tủ sách pháp luật, sửa lại hệ thống điện	Lần	114.000.000	79.800.000	34.200.000	
3	Thôn 2	Xây mới hội trường, mua các thiết bị liên quan: bàn ghế hội trường, xây nhà vệ sinh, đài nước, giếng và thiết bị, quạt treo tường, hệ thống điện, mua bục để tượng Bác, bục phát biểu, phòng sân khấu	Lần	430.754.521	430.754.521		Chưa có đất
4	Thôn 3	Quét sơn hội trường nhà văn hóa, mua các trang thiết bị liên quan: âm thanh hội trường, bàn ghế, sân bóng chuyền, tủ sách pháp luật, làm đài nước, xây nhà vệ sinh	Lần	166.160.000	116.258.000	49.840.000	



5	Thôn 4	Sơn hội trường nhà văn hóa, mua các trang thiết bị liên quan: bàn ghế, xây nhà vệ sinh, làm đài nước, làm giếng nước, mua âm thanh hội trường, mua quạt treo tường, làm hệ thống điện, mua bục phát biểu, bục để tượng bác, mua tượng bác	Lần	135.400.000	94.780.000	40.620.000	
6	Thôn 5	Mua trang thiết bị hội trường nhà văn hóa như: âm thanh, bàn ghế, bục để tượng bác, bục phát biểu, tủ sách pháp luật, xây nhà vệ sinh, làm đài nước, sơn sửa lại hội trường	Lần	113.700.000	79.590.000	34.110.000	
7	Thôn 6	Mua trang thiết bị hội trường nhà văn hóa như: bàn ghế hội trường, âm thanh, tủ sách pháp luật, bục phát biểu, xây nhà vệ sinh, làm đài nước	Lần	102.000.000	71.400.000	30.600.000	
8	Thôn 7	Mua trang thiết bị hội trường nhà văn hóa như: bàn ghế hội trường, âm thanh, bục phát biểu, xây nhà vệ sinh, làm đài nước, mua bục để tượng bác	Lần	103.700.000	72.590.000	31.110.000	
9	Thôn 8	Sơn sửa hội trường nhà văn hóa, mua các trang thiết bị liên quan như: âm thanh, bàn ghế, tủ sách pháp luật	Lần	68.300.000	47.810.000	20.490.000	
10	Thôn 10	Xây mới hội trường, mua các thiết bị liên quan: bàn ghế hội trường, xây nhà vệ sinh, đài nước, giếng và thiết bị, quạt treo tường, hệ thống điện, mua bục để tượng Bác, bục phát biểu, phòng sân khấu	Lần	430.754.521	430.754.521		Chưa có đất
<b>Tổng cộng</b>					<b>1.680.469.042</b>	<b>1.439.437.042</b>	<b>240.970.000</b>

